

TÒA ÁN NHÂN DÂN

KV6-VL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2025/DS-ST

Ngày 25 tháng 09 năm 2025

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KV6-VL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thúy Bắc;

Ông Đường Thanh Chánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân KV6-VL.

Trong ngày 25 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân KV6-VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 07 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2025/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 08 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp TB 2, xã TTB, huyện MCB, tỉnh BT (nay là xã TTB, tỉnh VL). Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1961 và bà Lê Thị P, sinh năm: 1975; cùng địa chỉ: ấp TH 2, xã TTB, huyện MCB, tỉnh BT (nay là xã TTB, tỉnh VL). Ông V có mặt. Bà P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn (bà T) trình bày:

Nguyên đơn trình bày: Vào năm 2019, năm 2022 (al) bà T là chủ thảo có mở nhiều dây hui mệnh giá 500.000đồng; 1.000.000đồng và 2.000.000đồng, khi bà T mở hui thì bà P, ông V có tham gia chơi hui với bà bao gồm 04 phần hui gồm: hui 500.000đồng bà P, ông V tham gia 01 phần; hui 1.000.000đồng là 01 phần và hui 2.000.000đồng là 02 phần cụ thể như sau:

1/ Dây hui 500.000đồng mở vào ngày 04/11/2019(al), gồm 30 phần mặng ngày 04/04/2022 al, ông V, bà P tham gia 01phần. Bà P, ông V hót vào ngày 04/6/2020 al, kêu 120.000đồng với số tiền hót được là 11.230.000đồng. Bà P, ông V đóng lại được 28 tháng với số tiền là 14.000.000đồng. Còn nợ lại 02 tháng là 1.000.000đồng.

2/ Dây hụi 1.000.000đồng mở vào ngày 08/04/2022(al), gồm 28 phần mǎng ngày 08/07/2024 al, ông V, bà P tham gia 01phần. Bà P, ông V hốt vào ngày 08/04/2022al, kêu 260.000đồng với số tiền hốt được là 19.210.000đồng. Bà P, ông V đóng lại được 13 tháng với số tiền là 13.000.000đồng. Còn nợ lại 15 tháng là 15.000.000đồng.

3/ Dây hụi 2.000.000đồng mở vào ngày 15/7/2022 (al), gồm 28 phần mǎng ngày 15/10/2024 al, bà P, ông V tham gia 02phần.

Bà P, ông V hốt 01 phần vào ngày 15/8/2022al, kêu 470.000đồng với số tiền hốt được là 39.250.000đồng. Phần hụi này ông bà đóng cho bà T được 12 tháng với số tiền 24.000.000đồng. Còn nợ lại 16 tháng với số tiền 32.000.000đồng.

Phần thứ 02 của dây hụi 2.000.000đồng bà P, ông V hốt vào 15/11/2022al, kêu 500.000đồng hốt được 40.000.000đồng. Bà P, ông V đóng lại được 12 tháng với số tiền là 24.000.000đồng. Còn nợ lại 16 tháng là 32.000.000đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T cho rằng theo đơn kiện bà tính nhằm là không trừ lại số tháng của người hốt cho nên sau khi khấu trừ lại 01 tháng của 04 phần hụi thì bà P, ông V chỉ còn nợ bà T số tiền hụi là 74.500.000đồng.

Tại bản khai, biên bản hòa giải ngày 08/8/2025 bà P, ông V trình bày: vợ chồng ông bà không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn với lý do nguyên đơn khai không đúng: Thực tế vợ chồng ông có chơi với bà T 03 dây hụi do bà T làm đầu thảo cụ thể gồm:

Dây hụi 2.000.000đồng mở ngày nào không nhớ dây hụi này vợ chồng bà vô 02 phần, ông bà đã hốt rồi nhưng không nhớ ngày nào, nhưng ông bà nhớ đóng hụi khoảng hơn nửa phần hụi mới hốt, hốt số tiền bao nhiêu một dây ông bà cũng không nhớ. Vợ chồng ông bà khi hốt thì ông bà nhớ đóng còn khoảng 06 tháng của 02 phần hụi 2.000.000đồng.

Còn dây hụi 1.000.000đồng hốt khoảng giữa chung, số tiền hốt được bao nhiêu ông bà không nhớ, nhưng khi kêu hốt khoảng 6 đến 7 ngày sau vợ chồng ông bà mới ra nhà bà T giao. Dây hụi này vợ chồng ông bà hốt xong nhưng không nhớ đóng lại bao nhiêu tháng, ông bà chỉ nhớ còn nợ 03 tháng nữa là mǎng. Tất cả các dây hụi này đã mǎng hết.

Như vậy, dây hụi 1.000.000đồng thì bà P, ông V chỉ nợ lại bà T là 3.000.000đồng. Dây hụi 2.000.000đồng, bà P tham gia 02 phần bà hốt, đóng hụi và hiện tại còn nợ mỗi phần là $14.000.000đ \times 2 = 28.000.000đ$ ồng. Tổng cộng bà P, ông V chỉ còn nợ bà T là 31.000.000đồng.

Tại phiên tòa ông V thừa nhận là có tham gia giao dịch hụi với bà T như bà T vừa trình bày tại phiên tòa, nhưng ông không biết thực tế bà P đã trả cho T được bao nhiêu tiền hụi, vì đến tháng giao tiền thì bà P giao cho bà T chứ không có ký nhận hay chứng cứ gì chứng minh là ông bà đã trả cho bà T. Do đó đề nghị Tòa xem xét bao nhiêu ông chấp nhận cùng bà P trả cho T bấy nhiêu, nhưng hiện tại ông bị bệnh nặng không có khả năng thanh toán nợ cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: nguyên đơn (bà T) khởi kiện yêu cầu bị đơn (bà P, ông V) phải liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền hụi là 74.500.000đồng nên đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”. Bị đơn có nơi cư trú: ấp TH 2, xã TTB, huyện MCB, tỉnh BT (nay là xã TTB, tỉnh VL) nên Tòa án nhân dân KV6-VL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn (bà Lê Thị P) đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn (bà P) là phù hợp.

[3] *Nội dung tranh chấp*:

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn (ông Nguyễn Văn V và bà Lê Thị P) có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ hụi là 74.500.000đồng.

Theo lời trình bày và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì đây hụi 1.000.000đồng do nguyên đơn mở vào ngày 08/04/2022(al), gồm 28 phần mãng ngày 08/07/2024 al, bà P, ông V tham gia 01 phần. Bà P hốt vào ngày 08/04/2022al, kêu 260.000đồng với số tiền hốt được là 19.210.000đồng. Bà P đóng lại được 13 tháng với số tiền là 13.000.000đồng. Còn nợ lại 14 tháng là 14.000.000đồng.

Đây hụi 2.000.000đồng mở vào ngày 15/7/2022(al), gồm 28 phần mãng ngày 15/10/2024 al, bà P, ông V tham gia 02 phần. Bà P hốt 01 phần vào ngày 15/8/2022al, kêu 470.000đồng với số tiền hốt được là 39.250.000đồng. Phần hụi này ông bà đóng cho bà T được 12 tháng với số tiền 24.000.000đồng. Còn nợ lại 15 tháng với số tiền 30.000.000đồng.

Phần thứ 02 của đây hụi 2.000.000đồng, bà P hốt vào 15/11/2022al kêu 500.000đồng, hốt được 40.000.000đồng. Bà P, ông V đóng lại được 12 tháng với số tiền là 24.000.000đồng. Còn nợ lại 15 tháng là 30.000.000đồng.

[3.2] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ lại nguyên đơn 02 đây hụi gồm hụi 1.000.000đồng, còn nợ lại 14.000.000đồng và đây hụi 2.000.000đồng, còn nợ lại là 60.000.000đồng, tổng cộng là 74.000.000đồng.

Đồng thời, cung cấp chứng cứ gồm giấy tay ghi hụi (do ông V lăn tay xác nhận) và sổ tay ghi hụi các hụi viên tham gia giao dịch hốt hụi vào tháng nào, bao nhiêu tiền do nguyên đơn cung cấp. Cho thấy, 02 đây hụi này phía bị đơn là (bà P, ông V) đã thừa nhận tại bản khai ngày 8/8/2025 là có tham gia giao dịch hụi với nguyên đơn. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ nguyên đơn 02 dây hụi (01 phần của dây hụi 1.000.000đồng và 02 phần của dây hụi 2.000.000đồng) tổng số tiền là 31.000.000đồng, nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ, để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Từ đó, chứng tỏ việc bị đơn có giao dịch hụi và còn nợ hụi như nguyên đơn trình bày.

Bị đơn bà P, ông V vẫn còn là vợ chồng trong thời kì hôn nhân nên ông bà phải có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ mà ông bà đã giao dịch theo qui định tại Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận theo qui định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[3.3]. Đối với dây hụi 500.000đồng mở vào ngày 04/11/2019(al), gồm 30 phần măng ngày 04/04/2022 al. Ông V, bà P tham gia 01phần. Bà P, ông V hốt vào ngày 04/6/2020 al, kêu 120.000đồng với số tiền hốt được là 11.230.000đồng. Bà P, ông V đóng lại được 28 tháng với số tiền là 14.000.000đồng, bị đơn còn nợ lại 01 tháng là 500.000đồng, nhưng bị đơn không thừa nhận, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh nên không đủ cơ sở để xem xét.

[4].Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của 74.000.000đ x 5% = 3.700.000đồng.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn (bà P, ông V) phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn V là người cao tuổi nên được miễn $\frac{1}{2}$ tiền án phí đối với phần nghĩa vụ mà ông liên đới cùng bà P nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì vậy, Buộc bà Lê Thị P phải chịu $\frac{1}{2}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm (phần nghĩa vụ liên đới cùng ông V nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm) có giá ngạch là 1.850.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 91, 147, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP19 của Chính phủ về họ, hụi, biểu, phường; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Lê Thị P về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Lê Thị P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền hui là 74.000.000đồng (bảy mươi bốn triệu đồng). Ghi nhận việc bà T không yêu cầu tính lãi trong thời gian qua.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của 74.000.000đồng x 5% = 3.700.000đồng.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Lê Thị P phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.700.000đồng.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn V là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Lê Thị P phải chịu $\frac{1}{2}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.850.000đồng.

3. Nguyên đơn bà T, bị đơn ông V có mặt tại phiên tòa nên có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà P vắng mặt nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT, TT& THA TAND tỉnh VL;
- VKSND KV6-VL;
- Phòng THADS KV6-VL;
- Các đương sự;
- Lưu HSV&VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

